

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-34

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Văn Điều - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 12 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

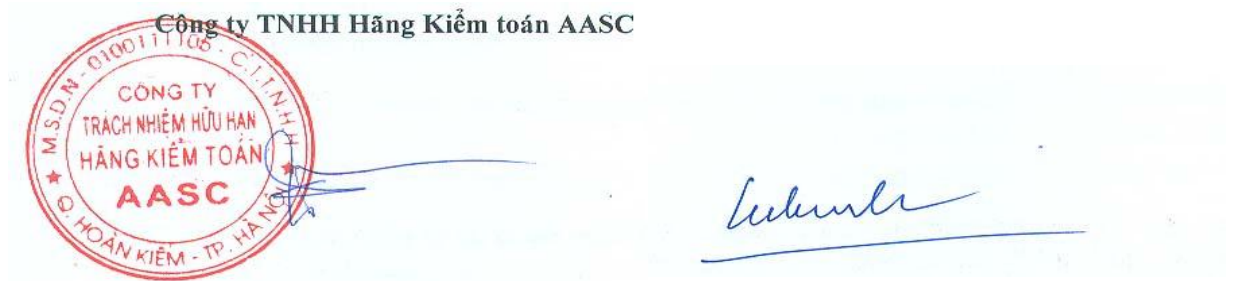
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		95,727,180,849	92,235,764,657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29,807,489,309	17,584,518,588
111	1. Tiền		12,307,489,309	11,084,518,588
112	2. Các khoản tương đương tiền		17,500,000,000	6,500,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	300,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	300,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20,411,234,760	18,021,741,079
131	1. Phải thu của khách hàng		16,271,379,986	16,174,960,394
132	2. Trả trước cho người bán		1,893,158,483	310,700,543
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2,246,696,291	1,930,490,521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(394,410,379)
140	IV. Hàng tồn kho	5	44,856,024,523	54,681,574,456
141	1. Hàng tồn kho		44,856,024,523	54,681,574,456
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		652,432,257	1,647,930,534
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		593,808,604	1,117,389,310
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13,370,761	529,203,867
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		45,252,892	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1,337,357
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		110,588,720,914	119,102,858,045
220	II. Tài sản cố định		35,668,610,231	55,640,405,632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	30,572,101,354	50,265,800,284
222	- Nguyên giá		77,955,214,405	124,797,830,804
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47,383,113,051)	(74,532,030,520)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	4,932,791,241	5,136,952,257
228	- Nguyên giá		6,637,088,088	6,724,538,088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,704,296,847)	(1,587,585,831)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		163,717,636	237,653,091
240	III. Bất động sản đầu tư	8	36,926,926,935	38,849,600,463
241	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15,530,045,254)	(13,607,371,726)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	36,443,042,843	22,152,119,529
251	1. Đầu tư vào công ty con		32,658,993,519	17,200,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		4,700,000,000	8,700,000,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122,329,200	122,329,200
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,038,279,876)	(3,870,209,671)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1,550,140,905	2,460,732,421
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1,550,140,905	2,460,732,421
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		206,315,901,763	211,338,622,702

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		16,642,187,299	20,887,401,937
310	I. Nợ ngắn hạn		16,642,187,299	20,887,401,937
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	7,418,181,955	7,436,277,409
312	2. Phải trả người bán		4,210,614,744	7,207,203,676
313	3. Người mua trả tiền trước		995,972,543	2,092,233,001
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	26,670,276	14,536,609
315	5. Phải trả người lao động		1,161,791,600	1,568,679,199
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	3,018,435,941	2,728,774,529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(189,479,760)	(160,302,486)
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		189,673,714,464	190,451,220,765
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	189,673,714,464	190,451,220,765
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58,480,640,000	53,562,120,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140,906,644,443	145,825,164,443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1,477,656,109	1,477,656,109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2,890,894,333	2,890,894,333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4,556,483,861)	(3,778,977,560)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		206,315,901,763	211,338,622,702

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,782,843,817	1,388,433,438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		39,747.76	81,121.79
- Đồng Euro (EUR)		294.20	305.12



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	121,390,055,687	96,280,730,897
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	1,009,383,858	253,445,260
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	120,380,671,829	96,027,285,637
11	4. Giá vốn hàng bán	18	116,100,341,859	89,982,505,007
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,280,329,970	6,044,780,630
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1,696,719,538	2,158,924,640
22	7. Chi phí tài chính	20	464,400,524	1,645,467,750
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		161,942,337	481,053,646
24	8. Chi phí bán hàng	21	1,804,877,442	1,650,703,533
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4,475,274,604	4,443,836,497
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(767,503,062)	463,697,490
31	11. Thu nhập khác		51,107,791	164,529,347
32	12. Chi phí khác		61,111,030	178,869,579
40	13. Lợi nhuận khác		(10,003,239)	(14,340,232)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(777,506,301)	449,357,258
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(777,506,301)	449,357,258

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(777,506,301)	449,357,258
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		8,577,145,158	10,858,552,350
03	- Các khoản dự phòng		(1,091,432,200)	783,498,090
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		27,559,251	1,687,967
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(348,679,271)	(1,857,862,792)
06	- Chi phí lãi vay		161,942,337	481,053,646
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6,549,028,974	10,716,286,519
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1,121,748,731)	694,457,110
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9,825,549,933	(1,080,055,217)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4,277,784,712)	(5,737,161,147)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1,434,172,222	(769,563,593)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(161,942,337)	(481,053,646)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		426,344,000	459,447,912
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(435,552,740)	(921,011,938)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12,238,066,609	2,881,346,000
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1,073,630,776)	(4,445,902,089)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34,545,456	124,545,455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(4,550,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300,000,000	5,300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,500,021,370)	(2,100,000,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,144,954,875	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,127,264,345	1,968,344,941
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		33,112,530	(3,703,011,693)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		28,211,188,073	25,842,252,759
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(28,249,477,382)	(33,524,782,069)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14,518,800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52,808,109)	(7,682,529,310)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12,218,371,030	(8,504,195,003)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		17,584,518,588	26,091,918,679
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4,599,691	(3,205,088)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	29,807,489,309	17,584,518,588



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.480.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 58,480,640,000 đồng; tương đương 5,848,064 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27 tháng 07 năm 2009 với mã giao dịch là ALT.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ giữa năm 2014, Công ty đã chuyển giao hoạt động sản xuất túi xốp sang cho công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc thực hiện. Theo đó, toàn bộ giá trị tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất túi xốp được chuyển giao cho công ty con thông qua hình thức góp vốn bằng tài sản cố định. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đứng ra nhập khẩu nguyên vật liệu sau đó bán lại cho công ty con, đồng thời mua lại một phần thành phẩm của công ty con để bán cho các khách hàng đã ký kết hợp đồng với Công ty. Vì vậy, doanh thu và giá vốn trong năm 2014 tăng đáng kể so với năm 2013.

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty. Đồng thời, trong năm 2014 Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Phần mềm máy tính	04 - 06 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047. Quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 35 năm
--------------------------	-------------

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	4,973,996,083	2,594,110,744
Tiền gửi ngân hàng	7,333,493,226	8,490,407,844
Các khoản tương đương tiền	17,500,000,000	6,500,000,000
	<u>29,807,489,309</u>	<u>17,584,518,588</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	-	68,583,000
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	1,081,496,000	1,800,000,000
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	600,000,000	-
Phải thu Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	470,000,000	-
Phải thu khác	95,200,291	61,907,521
	<u>2,246,696,291</u>	<u>1,930,490,521</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29,259,215,727	38,931,750,971
Công cụ, dụng cụ	800,338,810	1,027,493,552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,447,134,138	2,294,255,066
Thành phẩm	11,722,076,976	10,842,998,858
Hàng hoá	1,627,258,872	1,585,076,009
	<u>44,856,024,523</u>	<u>54,681,574,456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	6,237,885,093	486,652,995	6,724,538,088
Thanh lý, nhượng bán	-	(87,450,000)	(87,450,000)
Tại ngày 31/12/2014	6,237,885,093	399,202,995	6,637,088,088
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1,232,635,966	354,949,865	1,587,585,831
Trích khấu hao	149,410,416	54,750,600	204,161,016
Thanh lý, nhượng bán	-	(87,450,000)	(87,450,000)
Tại ngày 31/12/2014	1,382,046,382	322,250,465	1,704,296,847
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	5,005,249,127	131,703,130	5,136,952,257
Tại ngày 31/12/2014	4,855,838,711	76,952,530	4,932,791,241

8 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	52,456,972,189	52,456,972,189
Tại ngày 31/12/2014	52,456,972,189	52,456,972,189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	13,607,371,726	13,607,371,726
Trích khấu hao	1,922,673,528	1,922,673,528
Tại ngày 31/12/2014	15,530,045,254	15,530,045,254
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	38,849,600,463	38,849,600,463
Tại ngày 31/12/2014	36,926,926,935	36,926,926,935

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	32,658,993,519	17,200,000,000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	-	5,100,000,000
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	18,658,972,149	2,100,000,000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4,000,021,370	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4,700,000,000	8,700,000,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	4,700,000,000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	-	4,000,000,000
Đầu tư dài hạn khác	122,329,200	122,329,200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	62,829,200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	59,500,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1,038,279,876)	(3,870,209,671)
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	-	(1,740,497,595)
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	(1,038,279,876)	(2,129,712,076)
	36,443,042,843	22,152,119,529

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ/2014 ngày 15/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-05/NQHĐQT/2014 ngày 15/05/2014 của Hội đồng quản trị, Công ty cam kết sẽ tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc lên 20.000.000.000 đồng. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty TNHH Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc là 20.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn với tổng giá trị là 16.558.972.149 đồng, trong đó: góp bằng tiền là 2.500.000.000 đồng và góp bằng tài sản cố định là 14.058.972.149 đồng, vốn thực góp đến 31 tháng 12 năm 2014 là 18.658.972.149 đồng.

Trong năm 2014, Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, ngày hoàn thành giao dịch chuyển nhượng vốn là 26/12/2014. Vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty và hiện đang tạm dừng hoạt động để cấu trúc lại vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	2,460,732,421	2,013,418,174
Tăng trong năm	729,566,315	2,457,164,171
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1,640,157,831)	(2,009,849,924)
Tại ngày 31/12	1,550,140,905	2,460,732,421

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	655,255,278	1,106,932,155
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	-	48,700,000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	455,947,651	567,608,300
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	308,311,578	568,392,563
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	130,626,398	169,099,403
	1,550,140,905	2,460,732,421

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7,418,181,955	7,436,277,409
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	5,833,326,255	7,436,277,409
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	1,584,855,700	-
	7,418,181,955	7,436,277,409

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 0272/TaB1/13LD ngày 04 tháng 11 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng (bao gồm của Việt Nam đồng và Đô la Mỹ);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 5,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng số HCM.TB.031306614 ngày 03 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 4,5%/năm.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26,670,276	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	14,536,609
	26,670,276	14,536,609

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	26,653,072	27,837,393
Bảo hiểm y tế	1,767,600	1,992,808
Bảo hiểm thất nghiệp	716,240	400,590
Phải trả cổ tức cho cổ đông	7,297,200	21,816,000
Quỹ phải trả người lao động	1,749,130,442	1,834,625,342
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,096,256,552	796,256,552
Phải trả, phải nộp khác	136,614,835	45,845,844
	3,018,435,941	2,728,774,529

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000	53,562,120,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>53,562,120,000</i>	<i>53,562,120,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>4,918,520,000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>58,480,640,000</i>	<i>53,562,120,000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,848,064	5,356,212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,848,064	5,356,212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,848,064</i>	<i>5,356,212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,412,250	4,920,398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,412,250</i>	<i>4,920,398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109	1,477,656,109
Quỹ dự phòng tài chính	2,890,894,333	2,890,894,333
	<u>4,368,550,442</u>	<u>4,368,550,442</u>

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	98,443,841,887	80,868,699,036
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22,946,213,800	15,412,031,861
	<u>121,390,055,687</u>	<u>96,280,730,897</u>

16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1,009,383,858	253,445,260
	<u>1,009,383,858</u>	<u>253,445,260</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	97,434,458,029	80,615,253,776
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22,946,213,800	15,412,031,861
	120,380,671,829	96,027,285,637

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	95,733,506,567	74,915,352,046
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20,366,835,292	15,067,152,961
	116,100,341,859	89,982,505,007

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	588,681,345	908,927,941
Cổ tức, lợi nhuận được chia	940,000,000	940,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	168,038,193	309,996,699
	1,696,719,538	2,158,924,640

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	161,942,337	481,053,646
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1,214,547,530	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	151,783,606	379,228,047
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	27,559,251	1,687,967
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1,091,432,200)	783,498,090
	464,400,524	1,645,467,750

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	4,060,416
Chi phí nhân công	1,043,313,792	1,204,271,518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338,766,632	176,096,013
Chi phí khác bằng tiền	422,797,018	266,275,586
	1,804,877,442	1,650,703,533

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	179,090,225	260,929,799
Chi phí nhân công	1,417,893,512	1,812,175,518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,165,537,682	896,624,916
Thuế, phí, lệ phí	47,049,853	29,078,016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678,843,116	683,335,667
Chi phí khác bằng tiền	986,860,216	761,692,581
	4,475,274,604	4,443,836,497

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(777,506,301)	449,357,258
Các khoản điều chỉnh tăng	47,175,000	92,048,026
- Chi phí không hợp lệ	47,175,000	92,048,026
Các khoản điều chỉnh giảm	(1,880,000,000)	(1,481,405,284)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(940,000,000)	(940,000,000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(940,000,000)	(541,405,284)
Tổng thu nhập tính thuế	(2,610,331,301)	(940,000,000)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-
--	---	---

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55,608,376,908	49,420,048,587
Chi phí nhân công	12,989,878,621	13,593,065,834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,577,145,158	10,856,737,327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,353,735,936	4,766,183,390
Chi phí khác bằng tiền	4,503,644,565	2,239,524,394
	88,032,781,188	80,875,559,532

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29,807,489,309	-	17,584,518,588	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,518,076,277	-	18,105,450,915	(394,410,379)
Các khoản cho vay	-	-	300,000,000	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	48,447,894,786	-	36,112,298,703	(394,410,379)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			7,418,181,955	7,436,277,409
Phải trả người bán, phải trả khác			7,229,050,685	9,935,978,205
			14,647,232,640	17,372,255,614

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29,807,489,309	-	-	29,807,489,309
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,518,076,277	-	-	18,518,076,277
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	48,325,565,586	122,329,200	-	48,447,894,786
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,584,518,588	-	-	17,584,518,588
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,711,040,536	-	-	17,711,040,536
Các khoản cho vay	300,000,000	-	-	300,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	35,595,559,124	122,329,200	-	35,717,888,324

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	7,418,181,955	-	-	7,418,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	7,229,050,685	-	-	7,229,050,685
	14,647,232,640	-	-	14,647,232,640
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7,436,277,409	-	-	7,436,277,409
Phải trả người bán, phải trả khác	9,935,978,205	-	-	9,935,978,205
	17,372,255,614	-	-	17,372,255,614

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	97,434,458,029	22,946,213,800	120,380,671,829
Chi phí bộ phận trực tiếp	95,733,506,567	20,366,835,292	116,100,341,859
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,700,951,462	2,579,378,508	4,280,329,970
Tài sản bộ phận trực tiếp	87,636,831,792	49,014,047,681	136,650,879,473
Tài sản không phân bổ	-	-	69,665,022,290
Tổng tài sản	87,636,831,792	49,014,047,681	206,315,901,763
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11,404,394,327	2,397,921,703	13,802,316,030
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2,839,871,269
Tổng nợ phải trả	11,404,394,327	2,397,921,703	16,642,187,299

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	16,558,972,149	2,100,000,000
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	21,370	-
Doanh thu			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1,804,721,481	1,074,406,256
Công Ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	17,406,336,561	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	220,669,055	498,416,335
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1,767,914,683	1,816,797,953
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	115,817,551	167,795,117
Công Ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	25,440,359,525	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	97,352,083	79,385,834
Cho vay vốn			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	600,000,000	-
Lãi cho vay vốn			
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	-	61,083,000
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	940,000,000	940,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1,914,732,871	115,684,643
Công Ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	769,175,809	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	-	173,675,171
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	381,736,656	370,558,417
Phải thu khác			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	1,081,496,000	1,800,000,000
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Công ty con	600,000,000	-
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Công ty con	-	61,083,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	470,000,000	-
Phải trả tiền hàng			
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Công ty con	78,482,843	110,203,616

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	758,362,000	860,461,000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	24,129,366,401	97,209,259,886	3,136,149,894	216,796,523	106,258,100	124,797,830,804
Mua sắm	-	540,472,000	-	43,529,455	-	584,001,455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	231,582,378	-	-	-	-	231,582,378
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,361,835,035)	-	-	-	(1,361,835,035)
Giảm khác	-	(46,296,365,197)	-	-	-	(46,296,365,197)
Tại ngày 31/12/2014	24,360,948,779	50,091,531,654	3,136,149,894	260,325,978	106,258,100	77,955,214,405
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12,313,607,024	60,624,970,782	1,401,424,646	134,573,642	57,454,426	74,532,030,520
Trích khấu hao	1,366,589,573	4,801,562,721	223,534,272	44,354,270	14,269,778	6,450,310,614
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,361,835,035)	-	-	-	(1,361,835,035)
Giảm khác	-	(32,237,393,048)	-	-	-	(32,237,393,048)
Tại ngày 31/12/2014	13,680,196,597	31,827,305,420	1,624,958,918	178,927,912	71,724,204	47,383,113,051
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	11,815,759,377	36,584,289,104	1,734,725,248	82,222,881	48,803,674	50,265,800,284
Tại ngày 31/12/2014	10,680,752,182	18,264,226,234	1,511,190,976	81,398,066	34,533,896	30,572,101,354

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27,169,322,056 đồng.
- Giảm khác trong năm là giá trị tài sản cố định mà Công ty mang đi góp vốn vào Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	(4,228,334,818)	190,001,863,507
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	449,357,258	449,357,258
#VALUE!	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	(3,778,977,560)	190,451,220,765
Tăng vốn	4,918,520,000	(4,918,520,000)	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(777,506,301)	(777,506,301)
Tại ngày 31/12/2014	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	(4,556,483,861)	189,673,714,464

Vốn điều lệ tăng trong năm từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2014. Tỷ lệ phát hành 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 491.852 cổ phiếu, thời điểm hoàn thành việc phát hành là 30/10/2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9,917,400,000	16.96%	9,015,820,000	16.83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,171,810,000	12.26%	6,519,830,000	12.17%
Ông Hoàng Văn Điều	5,460,950,000	9.34%	4,964,500,000	9.27%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3,357,200,000	5.74%	3,052,000,000	5.70%
Ông La Thế Nhân	2,788,210,000	4.77%	2,534,740,000	4.73%
Vốn góp của cổ đông khác	25,426,930,000	43.48%	23,117,090,000	43.16%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.45%	4,358,140,000	8.14%
	58,480,640,000	100%	53,562,120,000	100%